

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Báo cáo tài chính riêng quý 02

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	2
Bảng cân đối kế toán riêng đến 30/06/2018	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2018	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đến 30/06/2018	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý 2/2018	7 - 28



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 289 cửa hàng tại các tỉnh thành ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch	
Ông Lê Trí Thông	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vũ Phan	Thành viên	Từ nhiệm ngày 20/04/2018
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11/06/2018
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên	
Ông Lê Hữu Hạnh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Mỹ hạnh	Thành viên	
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	Trúng cử ngày 21/04/2018 tại ĐHĐCĐ
Bà Huỳnh Thị Xuân Liên	Thành viên	Trúng cử ngày 21/04/2018 tại ĐHĐCĐ

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Dư	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Lê Anh Đức	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều Hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trí Thông	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lài	Giám đốc vận hành kiêm Giám đốc Khối Tài chính-Vận hành
Bà Trần Thị Thu Hà	Giám đốc Khối Bán lẻ
Bà Nguyễn Hoàng Anh	Giám đốc Khối Marketing
Ông Nguyễn Hoàng Châu	Giám đốc Khối Cung ứng
Ông Đào Trung Kiên	Giám đốc Khối Chiến lược
Ông Nguyễn Ngọc Trân	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin
Ông Nguyễn Anh Hùng	Giám đốc Khối Nguồn nhân lực
Ông Dương Quang Hải	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là ông Lê Trí Thông.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 2 - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ


CHỈ TIÊU		MS	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,171,709,062,604	3,887,420,813,235
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		85,671,891,462	167,814,376,098
1	Tiền	111		85,671,891,462	103,764,376,098
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	64,050,000,000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65,000,000	160,065,000,000
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65,000,000	160,065,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196,528,386,608	103,698,291,895
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		44,799,363,555	43,171,219,149
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		50,641,049,013	32,814,615,983
6	Phải thu ngắn hạn khác	136		100,462,743,283	27,577,078,743
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		625,230,757	135,378,020
IV	Hàng tồn kho	140		3,827,248,134,717	3,383,605,076,098
1	Hàng tồn kho	141		3,827,248,134,717	3,383,605,076,098
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		62,195,649,817	72,238,069,144
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61,389,235,630	67,127,740,474
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,450,367	20,455,201
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		793,963,820	5,089,873,469
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		912,076,871,234	608,883,714,734
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		47,966,115,193	41,746,375,257
6	Phải thu dài hạn khác	216		47,966,115,193	41,746,375,257
II	Tài sản cố định	220		603,489,387,847	484,699,732,543
1	Tài sản cố định hữu hình	221		143,302,403,020	203,204,284,453
	- Nguyên giá	222		238,646,034,167	391,425,135,871
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(95,343,631,147)	(188,220,851,418)
3	Tài sản cố định vô hình	227		460,186,984,827	281,495,448,090
	- Nguyên giá	228		466,255,407,873	286,740,907,873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6,068,423,046)	(5,245,459,783)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		56,513,078,966	9,665,078,966
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56,513,078,966	9,665,078,966
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		133,906,279,688	20,000,000,000
1	Đầu tư vào công ty con	251		133,906,279,688	20,000,000,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		395,271,613,400	395,271,613,400
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		70,202,009,540	52,772,527,968
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		67,762,990,116	50,333,508,544
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,439,019,424	2,439,019,424
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,083,785,933,838	4,496,304,527,969


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
QUÝ 2 - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

C	NỢ PHẢI TRẢ	300	1,806,138,136,036	1,549,664,382,047
I	Nợ ngắn hạn	310	1,746,792,004,036	1,495,725,175,047
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	300,383,230,130	279,319,406,605
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	45,457,333,933	37,742,598,354
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	121,004,688,819	116,383,358,330
4	Phải trả người lao động	314	93,480,200,275	97,064,244,559
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	70,366,176,675	4,629,017,766
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	45,173,492,434	51,847,439,279
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	998,614,342,214	857,278,850,200
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	72,312,539,556	51,460,259,954
II	Nợ dài hạn	330	59,346,132,000	53,939,207,000
7	Phải trả dài hạn khác	337	628,026,000	628,026,000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	51,641,789,000	46,234,864,000
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342	7,076,317,000	7,076,317,000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	3,277,647,797,802	2,946,640,145,922
I	Vốn chủ sở hữu	410	3,277,647,797,802	2,946,640,145,922
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	1,621,393,240,000	1,081,020,340,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	876,761,282,458	876,761,282,458
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	(7,090,000)	(7,090,000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	265,087,556,918	220,087,556,918
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	514,412,808,426	768,778,056,546
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a	5,241,831,546	153,436,032,604
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	509,170,976,880	615,342,023,942
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	5,083,785,933,838	4,496,304,527,969

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
- Đô la Mỹ ("\$")	14.790	83,539
- Vàng thỏi (chỉ)	5,400	6,170
- Đô la Úc ("AUD")	470	477
- Đồng Euro ("EUR")	503	7,670


Nguyễn Thành Đạt
Người lập


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng


Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc



Ngày 19 tháng 07 năm 2018

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 2 NĂM 2018

TT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Q2/2018	Q2/2017	LŨY KẾ 2018	LŨY KẾ 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3,226,965,211,725	2,345,196,030,277	7,379,152,613,177	5,480,127,401,842
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20,629,995,018	13,239,757,832	47,629,704,868	30,912,892,531
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3,206,335,216,707	2,331,956,272,445	7,331,522,908,309	5,449,214,509,311
4	Giá vốn hàng bán	11		2,641,784,642,868	1,940,208,194,653	6,006,330,309,498	4,515,835,494,662
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		564,550,573,839	391,748,077,792	1,325,192,598,811	933,379,014,649
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		184,791,151	4,827,785,426	6,175,607,580	6,769,400,402
7	Chi phí tài chính	22		13,896,606,442	17,308,167,251	28,045,139,624	36,443,031,047
	<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	23		11,388,579,441	16,740,415,327	25,106,751,237	35,160,099,426
8	Chi phí bán hàng	25		261,812,379,539	180,016,728,220	538,242,047,957	368,749,407,806
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		71,131,585,276	41,300,769,593	129,914,350,624	78,826,547,825
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		217,894,793,733	157,950,198,154	635,166,668,186	466,129,428,373
11	Thu nhập khác	31		1,263,332,256	8,034,954,716	2,320,905,096	8,265,755,741
12	Chi phí khác	32		476,223,461	2,607,294,189	606,642,365	3,003,519,141
13	Lợi nhuận khác	40		787,108,795	5,427,660,527	1,714,262,731	5,262,236,600
14	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		218,681,902,528	163,377,858,681	636,880,930,917	471,391,664,973
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		43,902,269,005	32,189,109,202	127,709,954,037	93,901,997,926
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		174,779,633,523	131,188,749,479	509,170,976,880	377,489,667,047
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,078	1,335	3,140	3,841

(Handwritten signature)

Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 19 tháng 07 năm 2018

(Handwritten signature)

Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc

STT	CHỈ TIÊU	MS	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	636,880,930,917	471,391,664,973
2	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11,039,007,456	18,939,335,289
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5,898,174,228)	(9,106,491,065)
	- Chi phí lãi vay	06	25,106,751,237	35,160,099,426
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	667,128,515,382	516,630,846,301
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(94,753,925,000)	(17,532,438,860)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(443,643,058,619)	(46,041,944,296)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	37,751,960,070	(107,277,036,700)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11,690,976,728)	(15,996,934,631)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(24,985,982,353)	(35,857,587,904)
	- Thuế TNDN đã nộp	15	(127,789,953,956)	(89,992,174,388)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3,618,991,176)	(29,608,699,250)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,602,412,380)	174,324,030,272
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(287,570,392,054)	(29,249,584,716)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	100,000,000	7,804,000,000
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	160,000,000,000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	5,898,174,228	809,241,547
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(121,572,217,826)	(20,636,343,169)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền thu từ đi vay	33	2,086,575,243,558	1,692,143,428,384
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,940,108,818,928)	(1,882,677,809,107)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(105,434,279,060)	(78,054,099,950)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41,032,145,570	(268,588,480,673)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(82,142,484,636)	(114,900,793,570)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	167,814,376,098	150,275,926,525
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		33,815,511
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	85,671,891,462	35,408,948,466


Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 19 tháng 07 năm 2018


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 289 cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 3.795 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.004 người). Người lao động đã chuyển qua công ty con PNJP là 1.370 người.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, các công ty con của Công ty bao gồm:

- | | |
|--|---------------|
| - Công ty TNHH MTV Thời trang CAO | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Giám định PNJ | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Khách Hàng | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Chế tác và kinh doanh trang sức PNJ | - Công ty con |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có 50 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Điều Hành đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo qui định hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều Hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều Hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản đương tương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều Hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hiện hành

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

V. CÁC SỰ KIỆN VÀ GIAO DỊCH TRỌNG YẾU

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 06</i> <i>năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2017</i>
Tiền mặt	48,457,185,600	61,156,455,977
Tiền gửi ngân hàng	31,316,642,662	35,281,922,078
Tiền đang chuyển	5,898,063,200	7,325,998,043
Tương đương tiền	-	64,050,000,000
TỔNG CỘNG	85,671,891,462	167,814,376,098

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Ngày 30 tháng 06</i> <i>năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2017</i>
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	65,000,000	160,065,000,000
_ Ngân hàng An Bình	65,000,000	65,000,000
_ Ngân hàng Phương Đông	-	40,000,000,000
_ Ngân hàng Bản Việt	-	80,000,000,000
_ Ngân hàng Đông Nam Á	-	40,000,000,000
CỘNG	65,000,000	160,065,000,000
b. Dài hạn		
Đầu tư vào Công ty con	133,906,279,688	20,000,000,000
_ Công ty Thời Trang CAO	30,000,000,000	10,000,000,000
_ Công ty Giám Định PNJ	10,000,000,000	10,000,000,000
_ Công ty PNJP	93,906,279,688	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
_ Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB)	395,271,613,400	395,271,613,400
_ Dự phòng giảm giá đầu tư (EAB) (*))	(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
CỘNG	133,906,279,688	20,000,000,000

Công ty TNHH Một Thành Viên Thời Trang CAO (CFC) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 14 tháng 08 năm 2009. CFC có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là Bán lẻ trang sức vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức.

Công ty TNHH Một Thành Viên Giám Định PNJ (PLC) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở chính tại số 168A Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là dịch vụ giám định kim cương, vàng, hợp kim vàng, kim loại quý, kim loại màu, đá quý, đá bán quý và các khoáng vật; các loại đá màu, cẩm thạch.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty TNHH Một Thành Viên Chế tác và kinh doanh trang sức PNJ (PNJP) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315018466 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 28 tháng 04 năm 2018. PNJP có trụ sở chính tại số 23 đường 14, phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Công ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Nguyên Khách Hàng (CECL) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315018547 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 28 tháng 04 năm 2018. PNJP có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đông Á vẫn trong diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà Nước và cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
FH Trautz GmbH	5,219,679,381	6,579,765,533
Công ty DC&D	1,873,627,180	3,934,729,248
Phải thu Công ty CAO	-	3,721,391,377
Phải thu Công ty PNJP	3,982,456,699	-
Phải thu khách hàng khác	33,723,600,295	28,935,332,991
TỔNG CỘNG	44,799,363,555	43,171,219,149

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
a. Ngắn hạn		
_Tạm ứng nhân viên	1,771,255,407	764,280,291
_Phải thu Công ty CAO	-	16,759,580,292
_Phải thu Công ty PNJP	70,125,529,823	-
_Phải thu khác	28,565,958,053	10,053,218,160
TỔNG CỘNG	100,462,743,283	27,577,078,743
a. Dài hạn		
_Kỳ quỹ dài hạn thuê mặt bằng	47,966,115,193	41,746,375,257
TỔNG CỘNG	47,966,115,193	41,746,375,257

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Hàng mua đang đi trên đường	84,495,148,548	74,485,287,071
Nguyên vật liệu	124,505,850,363	195,479,212,962
Công cụ, dụng cụ	35,341,565,518	37,395,279,155
Chi phí sản xuất dở dang	564,877,950,576	241,475,582,475
Thành phẩm	222,443,165,400	336,815,539,305
Hàng hóa	2,737,837,097,715	2,446,952,563,390
Hàng gửi đi bán	57,747,356,597	51,001,611,740
TỔNG CỘNG	3,827,248,134,717	3,383,605,076,098

Hàng tồn kho trị giá 866.000.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 9).

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:

NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí CCDC phân bổ	34,499,102,986	45,887,075,745
Chi phí thuê nhà	10,950,634,149	10,582,202,902
Chi phí đồng phục	716,511,217	3,021,579,248
Chi phí sửa chữa, bảo trì	5,322,845,090	3,854,695,805
Chi phí khác	9,900,142,188	3,782,186,774
TỔNG CỘNG	61,389,235,630	67,127,740,474

DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí CCDC phân bổ	33,508,995,267	23,339,302,147
Chi phí thuê nhà	3,199,240,000	1,213,200,000
Chi phí sửa chữa, bảo trì	29,441,424,061	24,269,615,250
Chi phí khác	1,613,330,788	1,511,391,147
TỔNG CỘNG	67,762,990,116	50,333,508,544

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC:

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ nợ trong kỳ	Số đã thu/ nợ trong kỳ	Số cuối kỳ
a.Các khoản phải thu				
Thuế GTGT nhập khẩu	5,040,800,081	66,196,740,549	70,568,307,965	669,232,665
Thuế GTGT được khấu trừ	20,455,201	651,137,557	659,142,391	12,450,367
Thuế XNK	46,573,388	2,264,644,885	2,187,487,118	123,731,155
Thuế khác	2,500,000	2,000,000	3,500,000	1,000,000
TỔNG	5,110,328,670	69,114,522,991	73,418,437,474	806,414,187
b.Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT	24,264,332,943	138,769,842,789	134,927,096,120	28,107,079,612
Thuế TNDN	86,605,166,561	127,709,954,037	127,789,953,956	86,525,166,642
Thuế TNCN	917,431,555	23,357,344,840	22,498,761,101	1,776,015,294
Thuế khác	4,596,427,271	267,908,775	267,908,775	4,596,427,271
TỔNG	116,383,358,330	290,105,050,441	285,483,719,952	121,004,688,819

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

PHÂN LOẠI	NHÀ CỬA	MÁY MÓC	PT VẬN TÀI	TB QUẢN LÝ	TỔNG
I. NGUYÊN GIÁ					
1. Đầu kỳ	135,768,102,826	188,951,888,481	23,459,146,196	43,245,998,368	391,425,135,871
2. Tăng trong kỳ	3,408,685,300	18,648,039,563	6,029,096,600.00	7,993,133,341	36,078,954,804
3. Giảm trong kỳ		174,811,812,998	2,298,796,245	11,747,447,265	188,858,056,508
4. Cuối kỳ	139,176,788,126	32,788,115,046	27,189,446,551	39,491,684,444	238,646,034,167
Trong đó,					
Tài sản đã khấu hao hết	523,216,400	11,750,679,711	1,852,235,826	27,729,485,055	41,855,616,992
II. HAO MÒN					
1. Đầu kỳ	31,462,829,253	116,599,727,522	8,044,030,482	32,114,264,161	188,220,851,418
2. Tăng trong kỳ	2,968,593,240	10,402,483,830	1,422,681,151	2,068,071,413	16,861,829,634
3. Giảm trong kỳ		105,524,279,685	1,023,031,236	3,191,738,984	109,739,049,905
4. Cuối kỳ	34,431,422,493	21,477,931,667	8,443,680,397	30,990,596,590	95,343,631,147
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
1. Đầu kỳ	104,305,273,573	72,352,160,959	15,415,115,714	11,131,734,207	203,204,284,453
2. Cuối kỳ	104,745,365,633	11,310,183,379	18,745,766,154	8,501,087,854	143,302,403,020

Nhà cửa, máy móc thiết bị được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

PHÂN LOẠI	QUYỀN SỬ ĐẤT	NHÃN HIỆU	PHẦN MỀM	TỔNG
I. NGUYÊN GIÁ				
1. Đầu kỳ	279,662,657,290	96,000,000	6,982,250,583	286,740,907,873
2. Tăng trong kỳ	179,514,500,000	-	-	179,514,500,000
3. Giảm trong kỳ				-
4. Cuối kỳ	459,177,157,290	96,000,000	6,982,250,583	466,255,407,873
Trong đó,				
Tài sản đã khấu hao hết		96,000,000	156,034,613	252,034,613
II. HAO MÒN				
1. Đầu kỳ	-	96,000,000	5,149,459,783	5,245,459,783
2. Tăng trong kỳ	-	-	822,963,263	822,963,263
3. Giảm trong kỳ			-	-
4. Cuối kỳ	-	96,000,000	5,972,423,046	6,068,423,046
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Đầu kỳ	279,662,657,290	-	1,832,790,800	281,495,448,090
2. Cuối kỳ	459,177,157,290	-	1,009,827,537	460,186,984,827

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Shop House Vincom - Thanh Hóa	9,468,078,966	9,468,078,966
Dự án hoạch định nguồn lực ERP	46,848,000,000	-
Xây dựng cơ bản khác	197,000,000	197,000,000
TỔNG CỘNG	56,513,078,966	9,665,078,966

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
a. Ngắn hạn		
Vay từ Ngân hàng thương mại	841,545,862,804	636,302,797,462
Huy động vốn cá nhân	153,368,479,410	217,276,052,738
Vay dài hạn đến hạn trả	3,700,000,000	3,700,000,000
TỔNG	998,614,342,214	857,278,850,200
b. Dài hạn		
Vay từ Ngân hàng thương mại	11,100,000,000	11,100,000,000
Vay cá nhân	40,541,789,000	35,134,864,000
TỔNG	51,641,789,000	46,234,864,000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY NGẮN HẠN VNĐ	662,774,407,323			
Ngân hàng TNHH CTBC - CN TP.HCM	32,900,000,000	Từ ngày 19 tháng 07 đến ngày 12 tháng 10 năm 2018	5.0%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN1	259,889,012,000	Từ ngày 09 tháng 07 đến ngày 27 tháng 09 năm 2018	Từ 5.2% đến 5.5%	Hàng tồn kho
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	60,000,000,000	Từ ngày 15 tháng 08 đến ngày 20 tháng 10 năm 2018	Từ 4.8% đến 5.5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB	184,054,697,823	Từ ngày 26 tháng 07 đến ngày 25 tháng 09 năm 2018	5.0%	Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, máy móc thiết bị trị giá 50 tỷ đồng
Ngân hàng BIDV CN Hóc Môn	99,933,590,000	Từ ngày 17 tháng 11 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	4.95%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	25,997,107,500	Từ ngày 10 tháng 08 đến ngày 10 tháng 09 năm 2018	5.5%	Tín chấp
VAY NGẮN HẠN NGOẠI TỆ	178,771,455,481			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB (2,197,900 USD)	50,529,714,793	Từ ngày 14 tháng 11 đến ngày 21 tháng 11 năm 2018	3.0%	Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, máy móc thiết bị trị giá 50 tỷ đồng
Ngân hàng OCB TP.HCM (1.435.852 USD)	33,010,241,388	Từ ngày 12 tháng 07 đến ngày 19 tháng 07 năm 2018	3.0%	Tín chấp
Ngân hàng SEABANK CN Tân Bình (4.142.301 USD)	95,231,499,300	Từ ngày 13 tháng 07 đến ngày 15 tháng 08 năm 2018	3.0%	Nhà 123 Hùng Vương, Đà Nẵng và hàng tồn kho
HUY ĐỘNG VỐN	153,368,479,410		7.6%	Tín chấp
VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ	3,700,000,000			
VAY NGẮN HẠN	998,614,342,214			

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY DÀI HẠN VNĐ	14,800,000,000			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	14,800,000,000	Ngày 22 tháng 01 năm 2021	9.0%	Nhà PG1-05 Vincom Cần Thơ
TRONG ĐÓ : ĐẾN HẠN TRẢ	3,700,000,000			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	3,700,000,000			
HUY ĐỘNG VỐN	40,541,789,000		7.6%	Tín chấp
VAY DÀI HẠN	51,641,789,000			

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Forte Jewellery (HK)	80,143,381,625	65,477,465,822
Công ty Liên Nguyễn	-	40,143,266,820
Công ty Quang Vinh Nguyễn	-	39,082,098,777
Công ty Shrenuj Fareast	61,795,276,892	27,539,371,113
Công ty PNJP	15,747,238	-
Các khách hàng khác	158,428,824,375	107,077,204,073
TỔNG CỘNG	300,383,230,130	279,319,406,605

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
a. Ngắn hạn		
_ Kinh phí công đoàn	304,604,710	1,148,661,431
_ Thường HĐQT VÀ Ban Giám Đốc	12,792,723,602	12,200,000,000
_ Quỹ hoạt động HĐQT	439,939,568	3,208,939,568
_ Quỹ hoạt động Ban Giám Đốc	1,153,901,517	1,198,901,517
_ Quỹ Công đoàn	6,280,001,132	6,062,859,444
_ Thuế TNCN nộp thay cho cổ đông	4,531,133,392	4,531,133,392
_ Cổ tức phải trả	3,469,605,465	2,876,064,645
_ DNTN Tuần Ngân	16,106,785	10,281,582,283
_ Phải trả khác	16,185,476,263	10,339,296,999
TỔNG	45,173,492,434	51,847,439,279

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	982,745,770,000		(7,090,000)	144,087,556,918	372,005,127,004	1,498,831,363,922
Tăng vốn điều lệ	98,274,570,000	876,761,282,458	-	-	-	975,035,852,458
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	723,443,348,942	723,443,348,942
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(186,720,419,400)	(186,720,419,400)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	76,000,000,000	(139,950,000,000)	(63,950,000,000)
— Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	76,000,000,000	(76,000,000,000)	-
— Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(45,000,000,000)	(45,000,000,000)
— Trích quỹ hoạt động của HĐQT	-	-	-	-	(6,750,000,000)	(6,750,000,000)
— Trích quỹ hoạt động của BGD	-	-	-	-	(12,200,000,000)	(12,200,000,000)
Số dư cuối năm trước	1,081,020,340,000	876,761,282,458	(7,090,000)	220,087,556,918	768,778,056,546	2,946,640,145,922
Tăng vốn điều lệ (*)	540,372,900,000				(540,372,900,000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	509,170,976,880	509,170,976,880
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(108,101,325,000)	(108,101,325,000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	45,000,000,000	(115,062,000,000)	(70,062,000,000)
— Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	45,000,000,000	(45,000,000,000)	-
— Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(36,240,000,000)	(36,240,000,000)
— Thường HĐQT và BGD	-	-	-	-	(33,822,000,000)	(33,822,000,000)
Số dư cuối kỳ này	1,621,393,240,000	876,761,282,458	(7,090,000)	265,087,556,918	514,412,808,426	3,277,647,797,802

(*) Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 21/04/2018

(**) Ngày 12 tháng 01 năm 2018, PNJ đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt (8%/cổ phiếu)

(Ngị quyết Hội Đồng Quản Trị số 1607/2017/NQ-HĐQT-CTY ngày 24 tháng 11 năm 2017)

(**) Ngày 01 tháng 06 năm 2018, PNJ đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 3 năm 2017 bằng tiền mặt (2%/cổ phiếu)

(Ngị quyết Hội Đồng Quản Trị số 380/2018/NQ-HĐQT-CTY ngày 24 tháng 04 năm 2018)

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Quý 2 Năm 2018</i>	<i>Quý 2 Năm 2017</i>
Doanh thu, trong đó	3,226,965,211,725	2,345,196,030,277
_ <i>Doanh thu bán hàng</i>	3,218,554,891,143	2,338,675,276,223
_ <i>Doanh thu hàng hóa khác</i>	4,771,289,260	4,385,846,546
_ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3,639,031,322	2,134,907,508
Hàng bán bị trả lại	20,629,995,018	13,239,757,832
Doanh thu thuần, trong đó	3,206,335,216,707	2,331,956,272,445
_ <i>Doanh thu bán hàng</i>	3,197,924,896,125	2,325,435,518,391
_ <i>Doanh thu hàng hóa khác</i>	4,771,289,260	4,385,846,546
_ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3,639,031,322	2,134,907,508

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Quý 2 Năm 2018</i>	<i>Quý 2 Năm 2017</i>
Lãi tiền gửi tại ngân hàng	23,632,921	770,242,067
Cổ tức nhận được	-	3,000,000,000
Chênh lệch tỷ giá	161,158,230	1,057,543,359
Tổng	184,791,151	4,827,785,426

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Quý 2 Năm 2018</i>	<i>Quý 2 Năm 2017</i>
Giá vốn bán hàng	2,638,474,552,691	1,937,182,439,349
Giá vốn hàng hóa khác	3,310,090,177	3,025,755,304
Tổng	2,641,784,642,868	1,940,208,194,653

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Quý 2 Năm 2018</i>	<i>Quý 2 Năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	11,388,579,441	16,740,415,327
Chi phí tài chính khác	40,412,773	4,503,032
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,467,614,228	563,248,892
Tổng	13,896,606,442	17,308,167,251

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

	<i>Quý 2 Năm 2018</i>	<i>Quý 2 Năm 2017</i>
Chi phí lương, trích theo lương	165,742,820,464	108,306,513,433
Chi phí vật liệu, bao bì	6,518,470,198	4,524,769,787
Chi phí công cụ, dụng cụ	20,220,541,544	10,932,405,151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,695,892,983	3,911,683,066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54,929,194,437	36,856,084,762
Chi phí bằng tiền khác	81,837,045,189	56,786,041,614
	332,943,964,815	221,317,497,813

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

	<i>Quý 2 Năm 2018</i>	<i>Quý 2 Năm 2017</i>
Lợi nhuận trước thuế	218,681,902,528	163,377,858,681
<i>Các khoản điều chỉnh :</i>		
_ Chi phí và các khoản không được khấu trừ	829,442,497	567,687,329
_ Chênh lệch tạm thời tính thuế	-	-
_ Cổ tức nhận được	-	(3,000,000,000)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	219,511,345,025	160,945,546,010
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	43,902,269,005	32,189,109,202

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

18.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Ngày 30/06/2018</i>	<i>Ngày 31/12/2017</i>
Tạm tính chi phí lãi vay phải trả	4,629,018,185	4,629,018,185
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	7,076,317,000	7,076,317,000
Chi phí sửa chữa trả trước	489,761,934	489,761,934
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12,195,097,119	12,195,097,119
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2,439,019,424	2,439,019,424

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Nội dung</i>	<i>Mua vào Quý 2/2018</i>	<i>Bán ra Quý 2/2018</i>
1. Công ty CAO		
_ Bán hàng hóa		13,042,341,909
_ Mua hàng hóa	1,607,725,000	
2. Công ty PNJL		
_ Bán hàng hóa		39,900,000
_ Dịch vụ kiểm định	1,178,432,500	
3. Công ty PNJP		
_ Bán hàng hóa		8,849,689,416
_ Mua hàng hóa	6,356,712,729	
_ Dịch vụ gia công	14,525,885,444	

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Vào ngày 30/06/2018, các khoản phải thu và phải trả giữa PNJ và các công ty con như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải thu</i>
			<i>(Phải trả)</i>
1. PHẢI THU			74,107,986,522
<i>Phải thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</i>			3,982,456,699
Công ty PNJP	Công ty con	Bán hàng hóa	3,982,456,699
<i>Các khoản phải thu khác</i>			70,125,529,823
Công ty PNJP	Công ty con		70,125,529,823
2. PHẢI TRẢ			(16,558,041,712)
<i>Phải trả mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ</i>			(2,898,041,707)
Công ty PNJL	Công ty con	<i>Dịch vụ kiểm định</i>	(1,440,258,270)
Công ty CAO	Công ty con	<i>Thu trước tiền hàng</i>	(1,457,783,437)
Công ty PNJP	Công ty con		(15,747,238)
<i>Các khoản phải trả khác</i>			(13,660,000,005)
Công ty TNHH MTV Giám định PNJ	Công ty con	<i>Huy động vốn</i>	(13,000,000,000)
		<i>Lãi huy động vốn</i>	(660,000,005)

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	122,400,427,718	82,501,812,273
Từ 1 đến 5 năm	237,752,970,202	206,394,790,510
Trên 5 năm	98,455,332,610	107,251,092,000
TỔNG CỘNG	458,608,730,530	396,147,694,783

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều Hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2018

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, PNJ đã dự phòng 100% khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân Hàng TMCP Đông Á là 395.271.613.400 VNĐ

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 10*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

B09a-DN

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Đầu tư tài chính dài hạn	395,271,613,400	(395,271,613,400)	395,271,613,400	(395,271,613,400)	-	-
Phải thu khách hàng	44,799,363,555		39,449,827,772		44,799,363,555	39,449,827,772
Phải thu các bên liên quan	74,107,986,522		74,107,986,522		74,107,986,522	20,480,971,669
Các khoản phải thu khác	26,354,756,761		10,817,498,451		26,354,756,761	10,817,498,451
Tiền và tương đương tiền	85,671,891,462		167,814,376,098		85,671,891,462	167,814,376,098
TỔNG CỘNG	626,205,611,700	(395,271,613,400)	633,834,287,390	(395,271,613,400)	230,933,998,300	238,562,673,990
	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 06 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Nợ phải trả tài chính						
Vay	1,037,256,131,214		892,513,714,200		1,037,256,131,214	892,513,714,200
Phải trả người bán	298,927,224,622		293,224,925,923		298,927,224,622	293,224,925,923
Phải trả các bên liên quan	15,116,005,513		12,064,904,430		15,116,005,513	12,064,904,430
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	114,879,669,104		56,144,237,865		114,879,669,104	56,144,237,865
TỔNG CỘNG	1,466,179,030,453		1,253,947,782,418		1,466,179,030,453	1,253,947,782,418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Điều Hành đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

23. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ

Quý 2/2018 kết quả kinh doanh của PNJ như sau :

Lợi nhuận trước thuế đạt 218,7 tỷ đồng tăng 34% so với cùng kỳ. Nguyên nhân :

Doanh thu đạt 3.227 tỷ đồng tăng 37,6% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó tỷ lệ lãi gộp đạt 17,5% tăng đáng kể so với 16,7% năm 2017. Doanh thu trang sức lẻ đạt 1.760 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định đóng vai trò chủ đạo. Đây là thành quả từ việc tăng 63 cửa hàng so với cuối quý 2 năm trước.

Chi phí hoạt động kinh doanh đạt 333 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ do chiến lược phát triển hệ thống cửa hàng và phát triển nguồn lực doanh nghiệp.

Tổng kết 6 tháng đầu năm:

_Doanh thu thuần đạt 7.331 tỷ đồng, hoàn thành 53% kế hoạch năm 2018


_Lợi nhuận trước thuế đạt 636,9 tỷ đồng, hoàn thành 58% kế hoạch năm 2018



Nguyễn Thành Đạt
Người lập



Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



Lê Trí Thông
Tổng Giám Đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2018